PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghị quyết số: 334/2017/UBTVQH14

NGHỊ QUYẾT
BAN HÀNH QUY CHẾ TỔ CHỨC THỰC HIỆN MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA QUỐC HỘI, ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI, HỘI ĐỒNG DÂN TỘC, ỦY BAN CỦA QUỐC HỘI, ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI VÀ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13;

Căn cứ Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân số 87/2015/QH13;

Căn cứ Tờ trình của Ban soạn thảo,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1

Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy chế "Tổ chức thực hiện một số hoạt động giám sát của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội và đại biểu Quốc hội".

Quy chế này quy định chi tiết về trình tự, thủ tục xây dựng, tổ chức thực hiện và báo cáo kết quả thực hiện chương trình giám sát của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội; tổ chức chất vấn và xem xét việc trả lời chất vấn tại kỳ họp Quốc hội, phiên họp Ủy ban thường vụ Quốc hội; tổ chức thực hiện giám sát chuyên đề của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội; tổ chức hoạt động giám sát của Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội; điều hòa hoạt động của các đoàn giám sát chuyên đề, hoạt động giải trình tại các cơ quan của Quốc hội; xem xét việc thực hiện các nghị quyết, kiến nghị giám sát; một số nội dung về công tác bảo đảm, tổ chức phục vụ hoạt động giám sát.

Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội thực hiện hoạt động giám sát theo quy định của Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân và

thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Quy chế này.

Điều 2

Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, Tổng thư ký Quốc hội, Văn phòng Quốc hội, cơ quan thuộc Ủy ban thường vụ Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Điều 3

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 3 năm 2017.

Hà Nội, ngày 11 tháng 01 năm 2017
TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Kim Ngân

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QUY CHẾ
TỔ CHỨC THỰC HIỆN MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA QUỐC HỘI, ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI, HỘI ĐỒNG DÂN TỘC, ỦY BAN CỦA QUỐC HỘI, ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI VÀ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

(*Ban hành kèm theo Nghị quyết số 334/2017/UBTVQH14*)

CHƯƠNG I
CHƯƠNG TRÌNH GIÁM SÁT CỦA QUỐC HỘI, ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

Mục 1
XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH GIÁM SÁT CỦA QUỐC HỘI, ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

Điều 1. Đề xuất nội dung chương trình giám sát

1. Chậm nhất là ngày 15 tháng 01 hằng năm, Tổng thư ký Quốc hội gửi văn bản đề nghị Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội, Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đề xuất nội dung đưa vào chương trình giám sát của Quốc hội, chương trình giám sát của Ủy ban thường vụ Quốc hội năm sau. Đối với năm đầu nhiệm kỳ, văn bản của Tổng thư ký Quốc hội được gửi chậm nhất là 80 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp thứ nhất.

Đề nghị của đại biểu Quốc hội được gửi đến Đoàn đại biểu Quốc hội để tổng hợp; kiến nghị của cử tri cả nước do Ban dân nguyện thuộc Ủy ban thường vụ Quốc hội tổng hợp, gửi tới Tổng thư ký Quốc hội. Đại biểu Quốc hội có thể gửi văn bản đề xuất của mình đến Ủy ban thường vụ Quốc hội.

2. Văn bản đề xuất phải nêu cụ thể những hoạt động giám sát theo quy định tại Điều 11 và Điều 22 của Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân. Đối với hoạt động giám sát chuyên đề của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, mỗi văn bản đề xuất không quá 02 chuyên đề.

Điều 2. Xây dựng dự kiến chương trình giám sát của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội

1. Tổng thư ký Quốc hội tổ chức tập hợp, tổng hợp đề nghị, kiến nghị về chương trình giám sát của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đối với giám sát chuyên đề, trên cơ sở tổng hợp đề nghị, kiến nghị, căn cứ vào các tiêu chí quy định tại khoản 2 Điều này, Tổng thư ký Quốc hội đề xuất từ 25

đến 30 chuyên đề và sắp xếp theo chủ thể giám sát để lựa chọn.

2. Chuyên đề giám sát được lựa chọn căn cứ vào các tiêu chí theo thứ tự ưu tiên sau đây:

a) Là vấn đề bức xúc, nổi lên ở tầm vĩ mô hoặc ảnh hưởng lớn đến đời sống kinh tế - xã hội, được đại biểu Quốc hội, cử tri và nhân dân quan tâm; gắn với việc xây dựng, thi hành pháp luật; không thuộc phạm vi điều chỉnh của các luật mới có hiệu lực thi hành trong thời gian 12 tháng tính đến thời điểm đề xuất;

b) Không trùng với các chuyên đề giám sát đã được Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội tiến hành giám sát trong thời gian 18 tháng tính đến thời điểm đề xuất;

c) Bảo đảm cân đối, phù hợp giữa các lĩnh vực;

d) Phạm vi giám sát phù hợp với điều kiện thực hiện của các cơ quan của Quốc hội.

3. Tổng thư ký Quốc hội lấy ý kiến của Thường trực Hội đồng dân tộc, Thường trực các Ủy ban của Quốc hội, các Ban thuộc Ủy ban thường vụ Quốc hội về dự kiến chương trình giám sát của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội để đề xuất chương trình giám sát, trong đó có từ 06 đến 08 chuyên đề giám sát trình Ủy ban thường vụ Quốc hội. Tổng thư ký Quốc hội có thể tổ chức lấy ý kiến của các chuyên gia về dự kiến chương trình giám sát.

Điều 3. Ủy ban thường vụ Quốc hội cho ý kiến về dự kiến chương trình giám sát của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội

1. Ủy ban thường vụ Quốc hội cho ý kiến về dự kiến chương trình giám sát của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội tại phiên họp trước kỳ họp Quốc hội giữa năm.

2. Hồ sơ trình tại phiên họp Ủy ban thường vụ Quốc hội gồm:

a) Báo cáo của Tổng thư ký Quốc hội về dự kiến chương trình giám sát của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội kèm theo dự thảo tờ trình của Ủy ban thường vụ Quốc hội về dự kiến chương trình giám sát của Quốc hội.

Báo cáo gồm những nội dung chính: đặc điểm tình hình năm công tác dự kiến; kết quả tổng hợp đề nghị, kiến nghị của các cơ quan, tổ chức, cá nhân; dự kiến nội dung chương trình giám sát của Quốc hội và Ủy ban thường vụ Quốc hội; căn cứ, lý do lựa chọn những hoạt động đưa vào chương trình giám sát của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội; trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân; dự kiến cơ quan chủ trì, phối hợp chuẩn bị nội dung giám sát; biện pháp tổ chức thực hiện; các vấn đề liên quan khác;

b) Báo cáo về kết quả thực hiện chương trình giám sát của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội năm trước;

c) Tổng hợp đề nghị, kiến nghị sắp xếp theo nội dung;

d) Tổng hợp đề nghị, kiến nghị sắp xếp theo cơ quan, tổ chức, cá nhân

đề xuất;

đ) Thuyết minh các nội dung dự kiến giám sát chuyên đề;

e) Tập hợp nội dung chuyên đề Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội đã giám sát trong thời gian 05 năm tính đến thời điểm đề xuất.

3. Ủy ban thường vụ Quốc hội cho ý kiến về dự kiến chương trình giám sát của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội theo trình tự sau đây:

a) Tổng thư ký Quốc hội trình bày báo cáo về dự kiến chương trình giám sát của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội và dự thảo tờ trình của Ủy ban thường vụ Quốc hội về dự kiến chương trình giám sát của Quốc hội;

b) Ủy ban thường vụ Quốc hội thảo luận;

c) Chủ tọa phiên họp kết luận về: dự kiến nội dung chương trình giám sát của Quốc hội và Ủy ban thường vụ Quốc hội, trong đó có 04 chuyên đề giám sát trình Quốc hội; những nội dung cần quan tâm để xây dựng và hoàn thiện tờ trình của Ủy ban thường vụ Quốc hội trình Quốc hội; các vấn đề có liên quan khác.

4. Tổng thư ký Quốc hội giúp Ủy ban thường vụ Quốc hội hoàn thiện Tờ trình và dự thảo nghị quyết về dự kiến chương trình giám sát của Quốc hội.

Điều 4. Phục vụ Quốc hội quyết định chương trình giám sát của Quốc hội

1. Hồ sơ trình tại kỳ họp Quốc hội gồm:

a) Tờ trình của Ủy ban thường vụ Quốc hội về dự kiến chương trình giám sát của Quốc hội.

Tờ trình gồm những nội dung chính: đặc điểm tình hình năm công tác dự kiến; kết quả tổng hợp đề nghị, kiến nghị của các cơ quan, tổ chức, cá nhân; dự kiến nội dung chương trình giám sát của Quốc hội, trong đó có 04 chuyên đề giám sát; căn cứ, lý do lựa chọn những hoạt động đưa vào chương trình giám sát của Quốc hội; trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân; dự kiến cơ quan chủ trì, phối hợp chuẩn bị nội dung giám sát; biện pháp tổ chức thực hiện; các vấn đề liên quan khác;

b) Báo cáo về kết quả thực hiện chương trình giám sát của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội năm trước;

c) Tổng hợp đề nghị, kiến nghị sắp xếp theo nội dung, nêu rõ tên cơ quan, tổ chức, cá nhân đề xuất;

d) Thuyết minh 04 nội dung dự kiến giám sát chuyên đề;

đ) Tập hợp nội dung chuyên đề Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội đã giám sát trong thời gian 05 năm tính đến thời điểm đề xuất;

e) Dự thảo nghị quyết về chương trình giám sát của Quốc hội.

2. Tổng thư ký Quốc hội gửi phiếu xin ý kiến đại biểu Quốc hội về dự

kiến chuyên đề giám sát của Quốc hội để chọn 02 chuyên đề giám sát của Quốc hội trên cơ sở kết quả phiếu xin ý kiến theo nguyên tắc lấy từ cao xuống thấp.

3. Trên cơ sở ý kiến thảo luận của đại biểu Quốc hội và kết quả tổng hợp phiếu xin ý kiến, Tổng thư ký Quốc hội giúp Ủy ban thường vụ Quốc hội chuẩn bị báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến đại biểu Quốc hội và hoàn thiện dự thảo nghị quyết về chương trình giám sát của Quốc hội, trình Quốc hội xem xét, thông qua.

Điều 5. Ủy ban thường vụ Quốc hội ra nghị quyết về chương trình giám sát của Ủy ban thường vụ Quốc hội

1. Chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày Quốc hội thông qua nghị quyết về chương trình giám sát của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua nghị quyết về chương trình giám sát của Ủy ban thường vụ Quốc hội trên cơ sở đề nghị của Tổng thư ký Quốc hội sau khi xin ý kiến thành viên Ủy ban thường vụ Quốc hội.

2. Nghị quyết về chương trình giám sát của Ủy ban thường vụ Quốc hội gồm những nội dung chính sau đây:

a) Các nội dung Ủy ban thường vụ Quốc hội giám sát trong năm;

b) Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân;

c) Biện pháp tổ chức thực hiện.

Mục 2

THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁM SÁT CỦA QUỐC HỘI, ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

Điều 6. Triển khai thực hiện chương trình giám sát của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội

1. Chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua nghị quyết về chương trình giám sát của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Tổng thư ký Quốc hội trình Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành kế hoạch thực hiện chương trình giám sát của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội. Trường hợp cần thiết, Ủy ban thường vụ Quốc hội tổ chức hội nghị triển khai thực hiện chương trình giám sát của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội.

2. Kế hoạch thực hiện phải nêu rõ mục đích, yêu cầu; phân công các cơ quan thực hiện; tiến độ; công tác tổ chức, phối hợp thực hiện; trường hợp báo cáo của đối tượng chịu sự giám sát theo quy định phải được thẩm tra mà liên quan đến lĩnh vực phụ trách của nhiều cơ quan khác nhau thì kế hoạch phải nêu rõ cơ quan chủ trì thẩm tra, cơ quan phối hợp thẩm tra (nếu có).

Điều 7. Báo cáo kết quả thực hiện chương trình giám sát của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội

1. Chậm nhất là ngày 30 tháng 01 hằng năm, Hội đồng dân tộc, các Ủy

ban của Quốc hội, các Ban thuộc Ủy ban thường vụ Quốc hội được giao chủ trì nội dung trong chương trình giám sát của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội năm trước gửi báo cáo về kết quả thực hiện đến Ủy ban thường vụ Quốc hội qua Tổng thư ký Quốc hội.

2. Tổng thư ký Quốc hội xây dựng dự thảo báo cáo kết quả thực hiện chương trình giám sát của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, gửi xin ý kiến Thường trực Hội đồng dân tộc, Thường trực các Ủy ban của Quốc hội, các Ban thuộc Ủy ban thường vụ Quốc hội; tiếp thu, chỉnh lý, gửi Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét để trình Quốc hội.

3. Báo cáo quy định tại khoản 2 Điều này phải đánh giá được kết quả đạt được, tồn tại, hạn chế, nguyên nhân; mức độ hoàn thành chương trình giám sát của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội; trách nhiệm của các cơ quan liên quan; bài học kinh nghiệm; đề xuất, kiến nghị.

Báo cáo gồm các phụ lục sau đây:

a) Tập hợp các hoạt động giám sát, kiến nghị giám sát về các nội dung thuộc chương trình giám sát của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội;

b) Danh mục báo cáo của các cơ quan chịu sự giám sát, các cơ quan giám sát, các nghị quyết sau giám sát của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Điều 8. Tổ chức thực hiện giám sát của Ủy ban thường vụ Quốc hội đối với việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, giải quyết kiến nghị của cử tri

1. Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét báo cáo của Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao về việc giải quyết khiếu nại, tố cáo; tổ chức giám sát chuyên đề hoặc phân công Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo; giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền theo quy định tại Điều 30 và Điều 31 của Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

2. Ủy viên Ủy ban thường vụ Quốc hội là Trưởng Ban dân nguyện giúp Ủy ban thường vụ Quốc hội tổ chức giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, giải quyết kiến nghị của cử tri thuộc lĩnh vực được phân công.

Ủy viên Ủy ban thường vụ Quốc hội là Trưởng Ban dân nguyện có trách nhiệm xây dựng chương trình, kế hoạch, thành lập các Đoàn công tác để thực hiện nhiệm vụ quy định tại khoản này; báo cáo kết quả thực hiện với Ủy ban thường vụ Quốc hội; giúp Ủy ban thường vụ Quốc hội xây dựng và hoàn thiện báo cáo kết quả giám sát để trình Quốc hội.

Điều 9. Tổ chức thực hiện giám sát của Ủy ban thường vụ Quốc hội đối với hoạt động của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh

1. Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội nghiên cứu báo cáo hoạt động của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; chuẩn bị ý kiến về nghị quyết của

Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên theo phân công của Ủy ban thường vụ Quốc hội theo quy định tại Điều 28 và Điều 29 của Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

2. Ủy viên Ủy ban thường vụ Quốc hội là Trưởng Ban công tác đại biểu giúp Ủy ban thường vụ Quốc hội tổ chức giám sát hoạt động của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh để phục vụ Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét báo cáo hoạt động của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

Ủy viên Ủy ban thường vụ Quốc hội là Trưởng Ban công tác đại biểu có trách nhiệm xây dựng chương trình, kế hoạch, thành lập các Đoàn công tác để thực hiện nhiệm vụ quy định tại khoản này; báo cáo kết quả thực hiện với Ủy ban thường vụ Quốc hội; xây dựng và hoàn thiện báo cáo kết quả giám sát theo chỉ đạo của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

CHƯƠNG II

CHẤT VẤN VÀ XEM XÉT VIỆC TRẢ LỜI CHẤT VẤN

Mục 1

CHẤT VẤN VÀ XEM XÉT VIỆC TRẢ LỜI CHẤT VẤN TẠI KỲ HỌP QUỐC HỘI

Điều 10. Thời hạn và trách nhiệm của các cơ quan trong việc tổng hợp thông tin để lựa chọn nhóm vấn đề chất vấn và người bị chất vấn

1. Chậm nhất là 05 ngày kể từ ngày khai mạc kỳ họp, Ban dân nguyện thuộc Ủy ban thường vụ Quốc hội gửi tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, tổ chức, đơn vị ở trung ương đến Tổng thư ký Quốc hội.

2. Chậm nhất là 05 ngày kể từ ngày khai mạc kỳ họp, Tổng thư ký Quốc hội hoàn thành việc tổng hợp dư luận xã hội thông qua điểm báo về những vấn đề nổi bật thuộc lĩnh vực kinh tế - xã hội trong thời gian giữa hai kỳ họp.

3. Tổng thư ký Quốc hội tổng hợp nội dung chất vấn của đại biểu Quốc hội gửi đến Ủy ban thường vụ Quốc hội kể từ ngày khai mạc kỳ họp; trường hợp cần thiết, Tổng thư ký Quốc hội gửi phiếu xin ý kiến đại biểu Quốc hội về đề xuất nhóm vấn đề chất vấn.

Điều 11. Tiêu chí lựa chọn nhóm vấn đề chất vấn và người bị chất vấn

1. Nhóm vấn đề chất vấn được lựa chọn theo các tiêu chí sau đây:

a) Là vấn đề bức xúc, nổi lên trong đời sống kinh tế - xã hội của đất nước, được nhiều đại biểu Quốc hội, cử tri quan tâm; vấn đề có dấu hiệu vi

phạm pháp luật; vấn đề chất vấn đã được người bị chất vấn trả lời bằng văn bản nhưng đại biểu Quốc hội không đồng ý với nội dung trả lời, được Ủy ban thường vụ Quốc hội đồng ý trình Quốc hội xem xét cho trả lời tại kỳ họp Quốc hội;

b) Không chất vấn những vấn đề đã có trong nghị quyết về chất vấn và nghị quyết giám sát chuyên đề của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội trong thời gian 12 tháng tính đến thời điểm chất vấn;

c) Phù hợp với tổng thời gian tổ chức phiên họp chất vấn.

2. Người bị chất vấn được lựa chọn phù hợp với nhóm vấn đề chất vấn. Người bị chất vấn có trách nhiệm trả lời trực tiếp, đầy đủ vấn đề mà đại biểu Quốc hội đã chất vấn, không được ủy quyền cho người khác trả lời thay. Trường hợp có lý do đặc biệt, chính đáng không thể tham dự phiên họp thì người bị chất vấn gửi văn bản nêu rõ lý do đến Tổng thư ký Quốc hội để báo cáo Chủ tịch Quốc hội xem xét, quyết định.

Điều 12. Trình tự, thủ tục lựa chọn nhóm vấn đề chất vấn và người bị chất vấn

1. Chậm nhất là 12 ngày kể từ ngày khai mạc kỳ họp Quốc hội, căn cứ quy định tại Điều 10 và Điều 11 của Quy chế này, Tổng thư ký Quốc hội dự kiến từ 12 đến 18 nhóm vấn đề chất vấn và người bị chất vấn, lấy ý kiến Thường trực Hội đồng dân tộc, Thường trực các Ủy ban của Quốc hội, các Ban thuộc Ủy ban thường vụ Quốc hội để chọn ra từ 06 đến 09 nhóm vấn đề chất vấn, báo cáo Ủy ban thường vụ Quốc hội. Mỗi nhóm vấn đề chất vấn gồm từ 03 đến 05 vấn đề.

2. Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét đề nghị của Tổng thư ký Quốc hội, lựa chọn từ 05 đến 07 nhóm vấn đề chất vấn và người bị chất vấn thông qua tổ chức họp hoặc cho ý kiến bằng văn bản.

3. Tổng thư ký Quốc hội tiếp thu ý kiến Ủy ban thường vụ Quốc hội, chuẩn bị báo cáo của Ủy ban thường vụ Quốc hội về dự kiến nhóm vấn đề chất vấn, người bị chất vấn và phiếu xin ý kiến, gửi đến các vị đại biểu Quốc hội.

4. Đại biểu Quốc hội lựa chọn nhóm vấn đề chất vấn, người bị chất vấn và gửi phiếu đến Tổng thư ký Quốc hội.

5. Căn cứ chương trình kỳ họp và kết quả tổng hợp phiếu xin ý kiến, Tổng thư ký Quốc hội giúp Ủy ban thường vụ Quốc hội chuẩn bị báo cáo tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến đại biểu Quốc hội, lựa chọn từ 04 đến 06 nhóm vấn đề chất vấn theo nguyên tắc lấy từ cao xuống thấp và lựa chọn người bị chất vấn.

6. Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng và các thành viên khác của Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước tham dự phiên họp chất vấn để trả lời chất vấn có liên quan của đại biểu Quốc hội.

Điều 13. Tổ chức chất vấn tại kỳ họp Quốc hội

1. Khi Quốc hội xem xét, quyết định chương trình giám sát hằng năm, trên cơ sở đề nghị của Tổng thư ký Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội trình Quốc hội quyết định:

a) Việc tổ chức chất vấn tại kỳ họp hằng năm;

b) Việc chất vấn kết hợp với xem xét việc thực hiện nghị quyết của Quốc hội về chất vấn, giám sát chuyên đề, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội về chất vấn tại kỳ họp cuối năm của năm giữa nhiệm kỳ và năm cuối nhiệm kỳ;

c) Việc không tổ chức hoạt động chất vấn tại kỳ họp đầu tiên và kỳ họp cuối cùng của nhiệm kỳ.

2. Trên cơ sở đề nghị của Tổng thư ký Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội trình Quốc hội xem xét, quyết định thời gian chất vấn tại kỳ họp hằng năm ít nhất là 03 ngày, tại kỳ họp cuối năm của năm giữa nhiệm kỳ và năm cuối nhiệm kỳ ít nhất là 04 ngày khi Quốc hội quyết định chương trình kỳ họp.

3. Căn cứ chương trình kỳ họp, nhóm vấn đề chất vấn và người bị chất vấn đã được Quốc hội lựa chọn, Tổng thư ký Quốc hội giúp Ủy ban thường vụ Quốc hội dự kiến chương trình cụ thể các phiên họp chất vấn và thông báo đến người bị chất vấn chậm nhất là 03 ngày trước ngày tổ chức phiên họp chất vấn.

4. Tại phiên họp chất vấn, trước khi đại biểu Quốc hội chất vấn, Ủy viên Ủy ban thường vụ Quốc hội là Trưởng Ban dân nguyện trình bày báo cáo kết quả giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri gửi đến Quốc hội tại kỳ họp trước.

Tổng thư ký Quốc hội báo cáo tổng hợp việc thực hiện các nghị quyết về chất vấn, các vấn đề đã hứa tại các kỳ họp trước; tình hình trả lời chất vấn đối với những chất vấn được Quốc hội cho trả lời bằng văn bản; tổng hợp tình hình chất vấn tại kỳ họp.

5. Tại phiên họp chất vấn kết hợp với xem xét việc thực hiện nghị quyết của Quốc hội về chất vấn, giám sát chuyên đề, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội về chất vấn tại kỳ họp cuối năm của năm giữa nhiệm kỳ và năm cuối nhiệm kỳ, trước khi đại biểu Quốc hội chất vấn, đại diện Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước trình bày báo cáo tóm tắt việc thực hiện các nghị quyết về chất vấn, giám sát chuyên đề; Tổng thư ký Quốc hội trình bày báo cáo tổng hợp nội dung thẩm tra của Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội về việc thực hiện các nghị quyết về chất vấn, giám sát chuyên đề.

Điều 14. Phục vụ Quốc hội ra nghị quyết về chất vấn

1. Tổng thư ký Quốc hội gửi phiếu xin ý kiến đánh giá kết quả hoạt

động chất vấn đến đại biểu Quốc hội và tổng hợp kết quả, báo cáo Ủy ban thường vụ Quốc hội.

2. Tổng thư ký Quốc hội chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan dự thảo nghị quyết về chất vấn; lấy ý kiến Thường trực Hội đồng dân tộc, Thường trực các Ủy ban của Quốc hội, các Ban thuộc Ủy ban thường vụ Quốc hội, bộ, ngành liên quan; trình Ủy ban thường vụ Quốc hội cho ý kiến để hoàn thiện trước khi gửi xin ý kiến đại biểu Quốc hội.

3. Tổng thư ký Quốc hội giúp Ủy ban thường vụ Quốc hội tổng hợp ý kiến đại biểu Quốc hội, chuẩn bị báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến đại biểu Quốc hội, hoàn thiện dự thảo nghị quyết về chất vấn, trình Quốc hội xem xét, thông qua tại phiên bế mạc kỳ họp.

Điều 15. Trả lời chất vấn bằng văn bản

1. Ngay sau khi Quốc hội lựa chọn nhóm vấn đề chất vấn, Tổng thư ký Quốc hội gửi đến người bị chất vấn những chất vấn của đại biểu Quốc hội không thuộc nhóm vấn đề chất vấn tại kỳ họp theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 15 của Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

Chậm nhất là 03 ngày kể từ ngày bế mạc phiên họp chất vấn, Tổng thư ký Quốc hội gửi đến người bị chất vấn những chất vấn của đại biểu Quốc hội được Quốc hội cho trả lời bằng văn bản theo quy định tại điểm b và điểm c khoản 4 Điều 15 của Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

2. Tổng thư ký Quốc hội tổ chức tập hợp, tổng hợp, đôn đốc việc trả lời chất vấn bằng văn bản của người bị chất vấn, báo cáo Ủy ban thường vụ Quốc hội.

3. Chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản trả lời chất vấn, nếu không đồng ý với nội dung trả lời, đại biểu Quốc hội gửi đề nghị, kiến nghị theo quy định tại khoản 4 Điều 15 của Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân đến Ủy ban thường vụ Quốc hội, Quốc hội qua Tổng thư ký Quốc hội.

4. Tổng thư ký Quốc hội trình Ủy ban thường vụ Quốc hội báo cáo tổng hợp đề nghị, kiến nghị của đại biểu Quốc hội đối với việc trả lời chất vấn bằng văn bản. Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét báo cáo, quyết định về các nội dung sau đây:

a) Những vấn đề yêu cầu người bị chất vấn làm rõ hơn theo yêu cầu của đại biểu Quốc hội;

b) Những vấn đề đưa ra chất vấn tại phiên họp chất vấn gần nhất của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

c) Những vấn đề đưa ra chất vấn tại kỳ họp Quốc hội gần nhất;

d) Những vấn đề kiến nghị Quốc hội xem xét trách nhiệm đối với người bị chất vấn.

Điều 16. Báo cáo việc thực hiện nghị quyết về chất vấn và các vấn đề đã hứa tại các kỳ họp

1. Chậm nhất là 05 ngày kể từ ngày bế mạc kỳ họp, Tổng thư ký Quốc hội giúp Ủy ban thường vụ Quốc hội tổng hợp những nội dung đã hứa tại kỳ họp Quốc hội và gửi đến người đã trả lời chất vấn, đã hứa.

2. Người đã trả lời chất vấn, đã hứa có trách nhiệm gửi báo cáo theo quy định tại khoản 7 Điều 15 của Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân theo đề cương do Tổng thư ký Quốc hội ban hành.

3. Tổng thư ký Quốc hội giúp Ủy ban thường vụ Quốc hội tổng hợp báo cáo việc thực hiện nghị quyết của Quốc hội về chất vấn, các vấn đề đã hứa và gửi đến đại biểu Quốc hội chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày khai mạc kỳ họp kế tiếp.

Mục 2

CHẤT VẤN VÀ XEM XÉT VIỆC TRẢ LỜI CHẤT VẤN TẠI PHIÊN HỌP ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

Điều 17. Báo cáo tổng hợp chất vấn

1. Trong thời gian giữa hai kỳ họp Quốc hội, đại biểu Quốc hội ghi vấn đề chất vấn, người bị chất vấn vào phiếu chất vấn và gửi đến Ủy ban thường vụ Quốc hội qua Tổng thư ký Quốc hội; Đoàn đại biểu Quốc hội có thể tổng hợp ý kiến đề xuất của đại biểu Quốc hội trong Đoàn về nhóm vấn đề chất vấn và gửi đến Tổng thư ký Quốc hội để tổng hợp, báo cáo Ủy ban thường vụ Quốc hội.

2. Chậm nhất là 20 ngày trước ngày khai mạc phiên họp chất vấn, Tổng thư ký Quốc hội thông báo ý kiến của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc tổ chức chất vấn tại phiên họp Ủy ban thường vụ Quốc hội đến đại biểu Quốc hội.

Điều 18. Tiêu chí lựa chọn nhóm vấn đề chất vấn và người bị chất vấn

1. Nhóm vấn đề chất vấn được lựa chọn theo các tiêu chí sau đây:

a) Những vấn đề đưa ra chất vấn quy định tại điểm b khoản 4 Điều 15 của Quy chế này; những vấn đề bức xúc, nổi lên trong đời sống kinh tế - xã hội của đất nước, được nhiều đại biểu Quốc hội, cử tri quan tâm được xác định tại kỳ họp trước đó và trong thời gian từ kỳ họp trước đó đến phiên họp có tổ chức hoạt động chất vấn; vấn đề có dấu hiệu vi phạm pháp luật;

b) Không chất vấn những vấn đề đã có trong nghị quyết về chất vấn và nghị quyết giám sát chuyên đề của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội trong thời gian 12 tháng tính đến thời điểm chất vấn;

c) Phù hợp với tổng thời gian tổ chức phiên họp chất vấn.

2. Người bị chất vấn được lựa chọn phù hợp với nhóm vấn đề chất vấn.

Người bị chất vấn có trách nhiệm trả lời trực tiếp, đầy đủ vấn đề mà đại biểu Quốc hội đã chất vấn, không được ủy quyền cho người khác trả lời thay. Trường hợp có lý do đặc biệt, chính đáng không thể tham dự phiên họp thì người bị chất vấn gửi văn bản nêu rõ lý do đến Tổng thư ký Quốc hội để báo cáo Chủ tịch Quốc hội xem xét, quyết định.

Điều 19. Trình tự, thủ tục lựa chọn nhóm vấn đề chất vấn và người bị chất vấn

1. Căn cứ vào tiêu chí lựa chọn nhóm vấn đề chất vấn quy định tại Điều 18 của Quy chế này, chậm nhất là 12 ngày trước ngày khai mạc phiên họp chất vấn, Tổng thư ký Quốc hội dự kiến từ 04 đến 06 nhóm vấn đề chất vấn và người bị chất vấn, báo cáo Ủy ban thường vụ Quốc hội. Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định từ 02 đến 03 nhóm vấn đề chất vấn và người bị chất vấn. Mỗi nhóm vấn đề chất vấn gồm từ 03 đến 05 vấn đề.

2. Tổng thư ký Quốc hội giúp Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành kế hoạch tổ chức hoạt động chất vấn tại phiên họp Ủy ban thường vụ Quốc hội; chậm nhất là 08 ngày trước ngày khai mạc phiên họp chất vấn, kế hoạch này được gửi đến đại biểu Quốc hội và các cơ quan hữu quan. Kế hoạch chất vấn phải nêu rõ nhóm vấn đề chất vấn, người bị chất vấn, thời gian, địa điểm tổ chức chất vấn và các nội dung khác có liên quan.

3. Ngoài người bị chất vấn, Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng và các thành viên khác của Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước có thể được mời tham dự phiên họp chất vấn để trả lời chất vấn có liên quan của đại biểu Quốc hội.

Điều 20. Tổ chức chất vấn tại phiên họp Ủy ban thường vụ Quốc hội

1. Ủy ban thường vụ Quốc hội tổ chức hoạt động chất vấn tại phiên họp tháng 3 và tháng 8 hằng năm, trừ năm chuyển giao giữa hai nhiệm kỳ Quốc hội; trường hợp đặc biệt do Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định. Thời gian tổ chức chất vấn tại mỗi phiên họp ít nhất là 01 ngày. Phó Chủ tịch Quốc hội phụ trách lĩnh vực điều hành nội dung chất vấn thuộc phạm vi trách nhiệm được phân công. Kết thúc phiên chất vấn, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định việc ra nghị quyết hoặc không ra nghị quyết về chất vấn.

2. Đại biểu Quốc hội chuyên trách và kiêm nhiệm ở các cơ quan trung ương tham dự trực tiếp tại phòng họp của Ủy ban thường vụ Quốc hội; đại biểu Quốc hội ở địa phương tham dự theo hình thức trực tuyến.

3. Tổng thư ký Quốc hội dự kiến chương trình phiên họp chất vấn trình lãnh đạo Quốc hội quyết định; chương trình phiên họp chất vấn được thông báo đến đại biểu Quốc hội và người bị chất vấn chậm nhất là 03 ngày trước ngày chất vấn.

Điều 21. Ủy ban thường vụ Quốc hội ra nghị quyết về chất vấn

1. Tổng thư ký Quốc hội chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan dự thảo nghị quyết về chất vấn; lấy ý kiến Thường trực Hội đồng dân tộc, Thường trực các Ủy ban của Quốc hội, các Ban thuộc Ủy ban thường vụ Quốc hội, bộ, ngành liên quan.

2. Tổng thư ký Quốc hội xin ý kiến thành viên Ủy ban thường vụ Quốc hội bằng văn bản về dự thảo nghị quyết; chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tiếp thu, giải trình ý kiến thành viên Ủy ban thường vụ Quốc hội; xin ý kiến Phó Chủ tịch Quốc hội phụ trách lĩnh vực giám sát bằng văn bản trước khi trình Chủ tịch Quốc hội xem xét, ký ban hành nghị quyết.

3. Trường hợp Ủy ban thường vụ Quốc hội không ra nghị quyết về chất vấn, Tổng thư ký Quốc hội chủ trì ban hành thông báo kết luận của Ủy ban thường vụ Quốc hội về hoạt động chất vấn tại phiên họp.

Điều 22. Trả lời chất vấn bằng văn bản

1. Ngay sau khi Ủy ban thường vụ Quốc hội lựa chọn nhóm vấn đề chất vấn, Tổng thư ký Quốc hội gửi đến người bị chất vấn những chất vấn của đại biểu Quốc hội không thuộc nhóm vấn đề chất vấn tại phiên họp theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 26 của Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

Chậm nhất là 03 ngày kể từ ngày bế mạc phiên họp chất vấn, Tổng thư ký Quốc hội gửi đến người bị chất vấn những chất vấn của đại biểu Quốc hội được Ủy ban thường vụ Quốc hội cho trả lời bằng văn bản theo quy định tại điểm b và điểm c khoản 3 Điều 26 của Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

2. Tổng thư ký Quốc hội tổ chức tập hợp, tổng hợp, đôn đốc việc trả lời chất vấn bằng văn bản của người bị chất vấn, báo cáo Ủy ban thường vụ Quốc hội.

3. Chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản trả lời chất vấn, nếu không đồng ý với nội dung trả lời, đại biểu Quốc hội gửi đề nghị, kiến nghị theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân đến Ủy ban thường vụ Quốc hội, Quốc hội qua Tổng thư ký Quốc hội.

4. Tổng thư ký Quốc hội tổng hợp đề nghị, kiến nghị của đại biểu Quốc hội để trình Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định về các nội dung sau đây:

a) Những vấn đề yêu cầu người bị chất vấn làm rõ hơn theo yêu cầu của đại biểu Quốc hội;

b) Những vấn đề đưa ra chất vấn tại phiên họp chất vấn gần nhất của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

c) Những vấn đề đưa ra chất vấn tại kỳ họp Quốc hội gần nhất;

d) Những vấn đề kiến nghị Ủy ban thường vụ Quốc hội, Quốc hội xem xét trách nhiệm đối với người bị chất vấn.

CHƯƠNG III

GIÁM SÁT CHUYÊN ĐỀ CỦA QUỐC HỘI, ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

Mục 1

THÀNH LẬP ĐOÀN GIÁM SÁT

Điều 23. Phục vụ Quốc hội về thành lập Đoàn giám sát chuyên đề của Quốc hội

1. Căn cứ chương trình giám sát của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội trình Quốc hội thông qua nghị quyết thành lập Đoàn giám sát chuyên đề tại kỳ họp giữa năm của năm trước.

2. Nghị quyết của Quốc hội về thành lập Đoàn giám sát chuyên đề gồm các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 16 của Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

3. Thành phần Đoàn giám sát do Ủy ban thường vụ Quốc hội dự kiến trình Quốc hội quyết định bao gồm:

a) Chủ tịch Quốc hội hoặc một Phó Chủ tịch Quốc hội làm Trưởng đoàn;

b) 01 Ủy viên Ủy ban thường vụ Quốc hội làm Phó Trưởng đoàn thường trực, giúp Đoàn giám sát về nội dung;

c) 02 đến 03 Ủy viên Ủy ban thường vụ Quốc hội làm Phó Trưởng đoàn;

d) Đại diện Hội đồng dân tộc, Ủy ban có liên quan của Quốc hội là Ủy viên;

đ) 03 đến 05 đại biểu Quốc hội am hiểu về nội dung chuyên đề giám sát là Ủy viên;

e) Đại diện Đoàn đại biểu Quốc hội ở địa phương nơi Đoàn tiến hành giám sát là Ủy viên;

g) Đoàn giám sát có thể mời đại diện Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức thành viên của Mặt trận, các chuyên gia tham gia hoạt động của Đoàn nhưng không quá 07 người.

Nghị quyết của Quốc hội về thành lập Đoàn giám sát phải xác định rõ Trưởng đoàn, Phó Trưởng Đoàn giám sát; danh sách thành viên khác của Đoàn giám sát do Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định.

Trong quá trình giám sát, danh sách Đoàn giám sát có thể được điều chỉnh do yêu cầu giám sát hoặc do yêu cầu khách quan khác nhưng phải bảo đảm thành phần theo quy định tại khoản này; Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định việc điều chỉnh trên cơ sở đề nghị của Trưởng Đoàn giám sát.

4. Kế hoạch giám sát ban hành kèm theo nghị quyết phải xác định rõ mục đích, yêu cầu; phạm vi, đối tượng giám sát; nội dung giám sát; phương thức giám sát; dự kiến khái quát kế hoạch thực hiện; thời gian xem xét báo cáo, ban hành nghị quyết kết quả giám sát; việc thành lập Tổ giúp việc Đoàn giám sát.

5. Tổng thư ký Quốc hội chuẩn bị dự thảo nghị quyết thành lập Đoàn giám sát chuyên đề của Quốc hội, gửi xin ý kiến Thường trực Hội đồng dân tộc, Thường trực các Ủy ban của Quốc hội, các Ban thuộc Ủy ban thường vụ Quốc hội; hoàn thiện, trình xin ý kiến Ủy ban thường vụ Quốc hội.

6. Trên cơ sở ý kiến của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Tổng thư ký Quốc hội chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tiếp thu, hoàn thiện dự thảo nghị quyết gửi xin ý kiến đại biểu Quốc hội.

7. Trên cơ sở ý kiến của đại biểu Quốc hội, Tổng thư ký Quốc hội giúp Ủy ban thường vụ Quốc hội hoàn thiện báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến đại biểu Quốc hội, chỉnh lý dự thảo nghị quyết, trình Quốc hội xem xét, thông qua.

Điều 24. Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội về thành lập Đoàn giám sát chuyên đề của Ủy ban thường vụ Quốc hội

1. Căn cứ chương trình giám sát của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chậm nhất là ngày 30 tháng 9 hằng năm, Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết thành lập Đoàn giám sát chuyên đề gồm các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 27 của Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

2. Thành phần Đoàn giám sát bao gồm:

a) 01 Phó Chủ tịch Quốc hội hoặc 01 Ủy viên Ủy ban thường vụ Quốc hội làm Trưởng đoàn;

b) 01 đến 02 Ủy viên Ủy ban thường vụ Quốc hội làm Phó Trưởng đoàn;

c) Đại diện Hội đồng dân tộc, Ủy ban có liên quan của Quốc hội là Ủy viên;

d) 03 đến 05 đại biểu Quốc hội am hiểu về nội dung chuyên đề giám sát là Ủy viên;

đ) Đại diện Đoàn đại biểu Quốc hội ở địa phương nơi Đoàn tiến hành giám sát là Ủy viên;

e) Đoàn giám sát có thể mời đại diện Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ

quốc Việt Nam, tổ chức thành viên của Mặt trận, các chuyên gia tham gia hoạt động của Đoàn nhưng không quá 07 người.

Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội về thành lập Đoàn giám sát phải xác định rõ danh sách thành viên Đoàn giám sát. Trong quá trình giám sát, danh sách thành viên Đoàn giám sát có thể được điều chỉnh do yêu cầu giám sát hoặc do yêu cầu khách quan khác; Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định việc điều chỉnh trên cơ sở đề nghị của Trưởng Đoàn giám sát.

3. Kế hoạch giám sát ban hành kèm theo nghị quyết phải xác định rõ mục đích, yêu cầu; phạm vi, đối tượng giám sát; nội dung giám sát; phương thức giám sát; dự kiến khái quát kế hoạch thực hiện; thời gian xem xét báo cáo, ban hành nghị quyết kết quả giám sát; việc thành lập Tổ giúp việc Đoàn giám sát.

Điều 25. Việc ban hành nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội về thành lập Đoàn giám sát chuyên đề của Ủy ban thường vụ Quốc hội

Căn cứ chương trình giám sát của Ủy ban thường vụ Quốc hội, kế hoạch thực hiện chương trình giám sát của Quốc hội và Ủy ban thường vụ Quốc hội, Tổng thư ký Quốc hội chuẩn bị dự thảo nghị quyết thành lập Đoàn giám sát, gửi xin ý kiến Thường trực Hội đồng dân tộc, Thường trực các Ủy ban của Quốc hội, các Ban thuộc Ủy ban thường vụ Quốc hội trước khi trình Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, thông qua.

Mục 2
HOẠT ĐỘNG CỦA ĐOÀN GIÁM SÁT

Điều 26. Nguyên tắc hoạt động của Đoàn giám sát

1. Đoàn giám sát hoạt động theo nguyên tắc tập trung, dân chủ; Đoàn giám sát tổ chức các Đoàn công tác để thực hiện nhiệm vụ theo phân công của Trưởng đoàn; có Tổ giúp việc tham mưu, phục vụ tổ chức thực hiện các hoạt động của Đoàn giám sát. Khi ban hành kế hoạch giám sát chi tiết và báo cáo kết quả giám sát của Đoàn giám sát, Trưởng Đoàn giám sát sử dụng con dấu của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đoàn giám sát tự giải thể khi Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội ra nghị quyết giám sát chuyên đề.

2. Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội phụ trách lĩnh vực có liên quan đến chuyên đề giám sát giúp Đoàn giám sát thực hiện các công việc về nội dung giám sát, xây dựng và hoàn thiện báo cáo kết quả giám sát, dự thảo nghị quyết giám sát chuyên đề. Văn phòng Quốc hội phục vụ Đoàn giám sát về chương trình, kế hoạch, công tác bảo đảm; tổng hợp, đánh giá, rút kinh nghiệm về hoạt động của Đoàn giám sát.

3. Cuộc họp, cuộc làm việc toàn thể của Đoàn giám sát do Trưởng Đoàn giám sát hoặc Phó Trưởng Đoàn giám sát chủ trì, bảo đảm ít nhất hai phần ba tổng số thành viên Đoàn giám sát tham dự; trường hợp Đoàn giám sát

yêu cầu cơ quan, tổ chức chịu sự giám sát báo cáo trực tiếp tại cuộc họp thì cơ quan, tổ chức này phải bố trí đúng thành phần tham dự và báo cáo theo quy định của pháp luật. Người chủ trì cuộc họp, cuộc làm việc của Đoàn giám sát có thể hoãn cuộc họp, cuộc làm việc nếu không bảo đảm yêu cầu quy định tại khoản này.

4. Thành viên Đoàn giám sát có trách nhiệm tham gia đầy đủ các hoạt động của Đoàn giám sát; trường hợp không tham gia phải báo cáo Trưởng Đoàn giám sát. Các cơ quan có người tham gia làm thành viên hoặc được mời tham gia Đoàn giám sát phải tạo điều kiện để người đó tham gia đầy đủ các hoạt động của Đoàn. Văn phòng Quốc hội có trách nhiệm tổng hợp việc tham gia của các thành viên, người được mời tham gia Đoàn giám sát để báo cáo Trưởng Đoàn giám sát.

5. Việc tổ chức các hoạt động của Đoàn giám sát bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, đúng chức năng, nhiệm vụ, tránh phô trương, hình thức.

Điều 27. Các phương thức hoạt động của Đoàn giám sát

1. Tổ chức hội nghị để triển khai hoạt động của Đoàn giám sát.

2. Tổ chức cuộc họp của Đoàn giám sát, cuộc họp, cuộc làm việc với cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

3. Tổ chức các Đoàn công tác để tiến hành giám sát tại địa phương hoặc làm việc với các bộ, ngành ở trung ương.

4. Yêu cầu giám định, mời chuyên gia tư vấn.

5. Tổ chức hội thảo, tọa đàm để đóng góp ý kiến, thu thập thông tin phục vụ các hoạt động của Đoàn giám sát, hoàn thiện báo cáo kết quả giám sát và xây dựng dự thảo nghị quyết giám sát chuyên đề.

Điều 28. Xây dựng kế hoạch giám sát chi tiết của Đoàn giám sát

1. Trên cơ sở kế hoạch giám sát ban hành kèm theo nghị quyết thành lập Đoàn giám sát, chậm nhất là ngày 15 tháng 9, Đoàn giám sát của Quốc hội ban hành kế hoạch giám sát chi tiết; chậm nhất là ngày 30 tháng 10, Đoàn giám sát của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành kế hoạch giám sát chi tiết.

2. Kế hoạch giám sát chi tiết gồm những nội dung chính sau đây:

a) Mục đích, yêu cầu;

b) Trách nhiệm và thời hạn thực hiện các công việc: thành lập Tổ giúp việc; xây dựng đề cương báo cáo của cơ quan chịu sự giám sát, đề cương báo cáo kết quả giám sát của Đoàn giám sát; gửi văn bản yêu cầu báo cáo đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; chuẩn bị các điều kiện bảo đảm cho Đoàn giám sát; thu thập tài liệu, thông tin liên quan đến chuyên đề giám sát; tổ chức họp triển khai công tác của Đoàn giám sát và các công việc khác theo chỉ đạo của Trưởng Đoàn giám sát;

c) Các phương thức hoạt động của Đoàn giám sát, trong đó, xác định rõ

thời gian thực hiện, cách thức tiến hành; người chủ trì, thành phần tham gia, tham dự, phục vụ; địa điểm, nội dung, chương trình làm việc; yêu cầu phục vụ về tài liệu, thông tin, truyền thông và yêu cầu phục vụ khác; yêu cầu báo cáo Đoàn giám sát sau khi kết thúc mỗi hoạt động;

d) Phân công trách nhiệm đối với Đoàn giám sát, Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, các Ban thuộc Ủy ban thường vụ Quốc hội, Tổng thư ký Quốc hội, Văn phòng Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội, Tổ giúp việc; yêu cầu đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Trường hợp cần thiết, Trưởng Đoàn giám sát quyết định việc sửa đổi, bổ sung kế hoạch giám sát chi tiết.

3. Kế hoạch giám sát chi tiết của Đoàn giám sát được xây dựng theo trình tự sau đây:

a) Tổ trưởng Tổ giúp việc chịu trách nhiệm xây dựng dự thảo kế hoạch giám sát chi tiết;

b) Đoàn giám sát cho ý kiến về kế hoạch giám sát chi tiết;

c) Tổ trưởng Tổ giúp việc tổ chức tiếp thu ý kiến các thành viên Đoàn giám sát, chỉnh lý, hoàn thiện kế hoạch giám sát chi tiết, trình Trưởng Đoàn giám sát ký ban hành.

Điều 29. Đoàn giám sát tổ chức các cuộc làm việc với cơ quan chịu sự giám sát, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan

1. Đoàn giám sát tổ chức các cuộc làm việc với Chính phủ, các bộ, ngành, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước hoặc các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan tại trụ sở Văn phòng Quốc hội; trong trường hợp cần thiết, Đoàn giám sát có thể đến làm việc tại trụ sở các cơ quan, tổ chức nêu trên. Đoàn giám sát thông báo chương trình, thành phần và nội dung làm việc đến cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát chậm nhất là 10 ngày trước ngày tổ chức cuộc làm việc.

2. Cuộc làm việc của Đoàn giám sát được tiến hành theo trình tự sau đây:

a) Tổ giúp việc phối hợp với cơ quan chịu sự giám sát tuyên bố lý do và giới thiệu thành phần tham dự;

b) Trưởng đoàn hoặc Phó Trưởng Đoàn giám sát chủ trì cuộc làm việc;

c) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức chịu sự giám sát trực tiếp trình bày báo cáo những nội dung theo yêu cầu của Đoàn giám sát; trường hợp không thể trực tiếp báo cáo thì có thể ủy quyền cho cấp phó sau khi đã báo cáo và được sự đồng ý của người chủ trì cuộc làm việc;

d) Thành viên Đoàn giám sát đặt câu hỏi hoặc nêu vấn đề thảo luận;

đ) Cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát giải trình theo yêu cầu

của Đoàn giám sát;

e) Người được mời tham gia Đoàn giám sát, người tham dự cuộc làm việc phát biểu theo yêu cầu của người chủ trì cuộc làm việc;

g) Người chủ trì phát biểu kết thúc cuộc làm việc về các nội dung: công tác chuẩn bị báo cáo của cơ quan chịu sự giám sát; những nội dung đã thảo luận; những mặt đã làm được, những mặt còn hạn chế, những vấn đề cần khắc phục, những nội dung cần báo cáo bổ sung, làm rõ; những nội dung liên quan khác.

Điều 30. Đoàn giám sát tiến hành giám sát tại địa phương hoặc làm việc với các bộ, ngành ở trung ương

1. Đoàn giám sát tổ chức các Đoàn công tác để tiến hành giám sát tại địa phương hoặc làm việc với các bộ, ngành ở trung ương. Mỗi Đoàn công tác có ít nhất 05 thành viên Đoàn giám sát tham gia, trường hợp đặc biệt do Trưởng Đoàn giám sát quyết định. Trưởng Đoàn công tác phải là thành viên Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đoàn công tác có Nhóm giúp việc để tham mưu, phục vụ thực hiện chương trình, kế hoạch công tác của Đoàn.

2. Đoàn công tác phải chuẩn bị nội dung cụ thể, xác định đối tượng, bảo đảm thời gian làm việc đủ để thu thập được những thông tin cần thiết; bố trí thời gian làm việc với đối tượng chịu sự tác động của chính sách, pháp luật thuộc nội dung chuyên đề giám sát; có thể mời đối tượng chịu sự tác động tham gia cuộc làm việc của Đoàn công tác hoặc tổ chức cuộc làm việc riêng.

3. Đoàn công tác có những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Thực hiện đúng kế hoạch, nội dung giám sát và các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 16 và Điều 27 của Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân;

b) Thông báo chương trình và thành phần Đoàn công tác chậm nhất là 10 ngày trước ngày Đoàn tiến hành giám sát;

c) Theo yêu cầu của Trưởng Đoàn công tác, Tổ giúp việc có thể tổ chức khảo sát trước để chuẩn bị các điều kiện phục vụ Đoàn công tác. Trước cuộc làm việc, Đoàn công tác có thể tổ chức họp rà soát việc chuẩn bị nội dung làm việc và các công việc có liên quan;

d) Chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày kết thúc hoạt động giám sát, Đoàn công tác gửi báo cáo kết quả giám sát đến Đoàn giám sát; đồng thời gửi đến Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Đoàn đại biểu Quốc hội địa phương nơi Đoàn đến giám sát, các bộ, ngành ở trung ương có liên quan.

4. Cuộc làm việc của Đoàn công tác do Trưởng Đoàn công tác chủ trì và được tiến hành theo trình tự quy định tại khoản 2 Điều 29 của Quy chế này.

Điều 31. Đoàn giám sát tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm

1. Trường hợp cần thiết, Đoàn giám sát tổ chức hội nghị để triển khai hoạt động của Đoàn giám sát, tổ chức hội thảo, tọa đàm để thu thập thông tin, hoàn thiện báo cáo kết quả giám sát. Mỗi Đoàn giám sát tổ chức không quá 03 hội thảo hoặc tọa đàm.

2. Căn cứ vào kế hoạch giám sát chi tiết của Đoàn giám sát, chậm nhất là 30 ngày trước ngày tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm, Tổ giúp việc giúp Đoàn giám sát xây dựng nội dung, chương trình, yêu cầu báo cáo, tham luận, yêu cầu về tổ chức phục vụ, gửi các cơ quan, đơn vị liên quan để triển khai thực hiện. Trường hợp thay đổi so với kế hoạch giám sát chi tiết, Trưởng Đoàn giám sát thông báo yêu cầu tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm đến Tổ giúp việc trước thời điểm tổ chức ít nhất 25 ngày.

Mục 3
BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT CHUYÊN ĐỀ

Điều 32. Đề cương báo cáo của các cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát và đề cương báo cáo kết quả giám sát

1. Trưởng Đoàn giám sát chỉ đạo Tổ trưởng Tổ giúp việc xây dựng dự thảo đề cương báo cáo của cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát và đề cương báo cáo kết quả giám sát; xin ý kiến thành viên Đoàn giám sát; xin ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong trường hợp cần thiết; tiếp thu ý kiến, hoàn thiện đề cương; trình Trưởng Đoàn giám sát quyết định trước khi Tổng thư ký Quốc hội ký ban hành.

2. Đề cương báo cáo của cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát gồm những nội dung chính sau đây:

a) Thực trạng tại ngành, địa phương về nội dung giám sát, chỉ tiêu, số liệu liên quan trước khi triển khai chủ trương, yêu cầu thực hiện của Đảng, Nhà nước, cơ quan nhà nước cấp trên;

b) Đường lối, chủ trương, mục tiêu, yêu cầu cụ thể của Đảng, Nhà nước, cơ quan nhà nước cấp trên về nội dung giám sát;

c) Tình hình thực hiện chính sách, pháp luật về nội dung giám sát: công tác ban hành văn bản quy phạm pháp luật; công tác triển khai tổ chức thực hiện; kết quả đạt được, chỉ tiêu, số liệu liên quan, có so sánh với yêu cầu đề ra; những hạn chế, bất cập; nguyên nhân khách quan, chủ quan; trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan;

d) Kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát;

đ) Những biểu mẫu, phụ lục, bảng hỏi kèm theo để cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát báo cáo.

3. Đề cương báo cáo kết quả giám sát được ban hành đồng thời với kế

hoạch giám sát chi tiết của Đoàn giám sát, gồm những nội dung cơ bản sau đây:

a) Tình hình triển khai các hoạt động của Đoàn giám sát;

b) Thực trạng tại ngành, địa phương về nội dung giám sát trước khi triển khai chủ trương, yêu cầu thực hiện của Đảng, Nhà nước;

c) Sự cần thiết của nội dung giám sát;

d) Đường lối, chủ trương, mục tiêu, yêu cầu cụ thể của Đảng, Nhà nước về nội dung giám sát;

đ) Phân tích, đánh giá tình hình thực hiện chính sách, pháp luật về nội dung giám sát: công tác ban hành văn bản quy phạm pháp luật; công tác triển khai tổ chức thực hiện; kết quả đạt được, chỉ tiêu, số liệu liên quan, có so sánh với yêu cầu đề ra; những hạn chế, bất cập; nguyên nhân khách quan, chủ quan; trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan;

e) Kiến nghị của Đoàn giám sát;

g) Những biểu mẫu, phụ lục kèm theo.

4. Cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát xây dựng báo cáo theo đề cương, gửi đến Đoàn giám sát bản giấy và bản điện tử. Thời gian gửi báo cáo do Đoàn giám sát quyết định nhưng không sớm hơn 60 ngày kể từ ngày Đoàn giám sát ban hành đề cương.

Điều 33. Trình tự xây dựng dự thảo báo cáo kết quả giám sát và nghị quyết giám sát chuyên đề

1. Tổ giúp việc nghiên cứu, tổng hợp, giúp Trưởng Đoàn giám sát xây dựng dự thảo báo cáo kết quả giám sát và nghị quyết giám sát chuyên đề.

2. Trưởng Đoàn giám sát quyết định việc tổ chức họp hoặc xin ý kiến bằng văn bản các thành viên Đoàn giám sát, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan về dự thảo báo cáo, nghị quyết.

3. Trưởng Đoàn giám sát chỉ đạo Tổ giúp việc chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo báo cáo kết quả giám sát, nghị quyết giám sát chuyên đề trình Ủy ban thường vụ Quốc hội cho ý kiến tại phiên họp.

Điều 34. Ủy ban thường vụ Quốc hội cho ý kiến về báo cáo kết quả giám sát của Đoàn giám sát của Quốc hội

1. Hồ sơ trình Ủy ban thường vụ Quốc hội bao gồm:

a) Dự thảo báo cáo tóm tắt kết quả giám sát của Đoàn giám sát của Quốc hội;

b) Dự thảo báo cáo kết quả giám sát của Đoàn giám sát của Quốc hội;

c) Dự thảo nghị quyết giám sát chuyên đề của Quốc hội;

d) Các phụ lục kèm theo dự thảo báo cáo kết quả giám sát;

đ) Báo cáo của cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát; tài liệu minh

họa và các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

Tài liệu quy định tại các điểm a, b và c khoản này được gửi bằng bản giấy, các tài liệu khác được gửi bằng bản điện tử.

2. Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét báo cáo của Đoàn giám sát theo trình tự quy định tại các điểm a, b và c khoản 3 Điều 27 của Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

Kết thúc phiên họp, chủ tọa kết luận những vấn đề cần tiếp thu, chỉnh lý, bổ sung để hoàn thiện báo cáo của Đoàn giám sát.

3. Trưởng Đoàn giám sát chỉ đạo Tổ giúp việc hoàn thiện dự thảo báo cáo kết quả giám sát và dự thảo nghị quyết giám sát chuyên đề theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân để trình Quốc hội xem xét tại kỳ họp. Dự thảo báo cáo kết quả giám sát, dự thảo nghị quyết giám sát chuyên đề phải được gửi xin ý kiến thành viên Đoàn giám sát; có thể được gửi xin ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; gửi xin ý kiến lãnh đạo Quốc hội trước khi Trưởng Đoàn giám sát ký, gửi đến đại biểu Quốc hội.

Điều 35. Phục vụ Quốc hội xem xét báo cáo kết quả giám sát của Đoàn giám sát của Quốc hội tại kỳ họp

1. Hồ sơ trình Quốc hội bao gồm:

a) Báo cáo tóm tắt kết quả giám sát của Đoàn giám sát của Quốc hội;

b) Báo cáo kết quả giám sát của Đoàn giám sát của Quốc hội;

c) Dự thảo nghị quyết giám sát chuyên đề của Quốc hội;

d) Các phụ lục kèm theo báo cáo kết quả giám sát;

đ) Báo cáo của cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát; tài liệu minh họa và các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

Tài liệu quy định tại các điểm a, b và c khoản này được gửi bằng bản giấy, các tài liệu khác được gửi bằng bản điện tử.

2. Tổng thư ký Quốc hội giúp Ủy ban thường vụ Quốc hội trình Quốc hội quyết định việc phát thanh, truyền hình trực tiếp đối với phiên họp xem xét báo cáo kết quả giám sát khi xem xét, quyết định chương trình kỳ họp.

3. Trưởng Đoàn giám sát chỉ đạo việc tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội, hoàn thiện dự thảo nghị quyết, gửi xin ý kiến thành viên Đoàn giám sát, Ủy ban thường vụ Quốc hội trước khi trình Quốc hội biểu quyết thông qua.

Điều 36. Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét báo cáo kết quả giám sát của Đoàn giám sát của Ủy ban thường vụ Quốc hội tại phiên họp

1. Hồ sơ trình Ủy ban thường vụ Quốc hội bao gồm:

a) Báo cáo tóm tắt của Đoàn giám sát của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

b) Báo cáo kết quả giám sát của Đoàn giám sát của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

c) Dự thảo nghị quyết giám sát chuyên đề của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

d) Các phụ lục kèm theo dự thảo báo cáo kết quả giám sát;

đ) Báo cáo của cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát; tài liệu minh họa và các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

Tài liệu quy định tại các điểm a, b và c khoản này được gửi bằng bản giấy, các tài liệu khác được gửi bằng bản điện tử.

2. Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét báo cáo kết quả giám sát của Đoàn giám sát của Ủy ban thường vụ Quốc hội tại phiên họp theo trình tự quy định tại khoản 3 Điều 27 của Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

3. Sau phiên họp Ủy ban thường vụ Quốc hội, Trưởng Đoàn giám sát tổ chức tiếp thu ý kiến, hoàn thiện dự thảo nghị quyết giám sát chuyên đề, gửi xin ý kiến thành viên Ủy ban thường vụ Quốc hội trước khi trình Chủ tịch Quốc hội ký ban hành.

Mục 4
TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỊU SỰ GIÁM SÁT

Điều 37. Trách nhiệm trong việc báo cáo Đoàn giám sát

1. Báo cáo của cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát phải bám sát đề cương, yêu cầu của Đoàn giám sát; đối với báo cáo của cơ quan, tổ chức chịu sự giám sát phải do người đứng đầu cơ quan, tổ chức hoặc người được ủy quyền ký, gửi đến Đoàn giám sát.

Trường hợp cơ quan chịu sự giám sát là Chính phủ, các báo cáo gửi đến Đoàn giám sát dùng thể thức là báo cáo của Chính phủ.

2. Đối với cơ quan, tổ chức có liên quan khác nơi Đoàn giám sát đến làm việc, báo cáo của cơ quan, tổ chức phải được gửi bằng bản giấy và bản điện tử đến Đoàn giám sát chậm nhất là 03 ngày trước ngày làm việc.

3. Trường hợp Đoàn giám sát yêu cầu báo cáo bổ sung, chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc làm việc, cơ quan, tổ chức có trách nhiệm báo cáo bổ sung bằng văn bản.

Điều 38. Trách nhiệm trong việc đáp ứng yêu cầu giám sát

1. Khi nhận được yêu cầu làm việc của Đoàn giám sát, cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát có trách nhiệm xây dựng kế hoạch làm việc với Đoàn giám sát, gửi kế hoạch bằng bản giấy và bản điện tử đến Đoàn giám sát chậm nhất là 03 ngày trước ngày làm việc.

2. Đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân không thực hiện hoặc thực hiện không đúng yêu cầu của Đoàn giám sát, Đoàn giám sát có văn bản gửi đến cấp trên quản lý trực tiếp cơ quan, tổ chức, cá nhân đó hoặc cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật.

Mục 5
PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG CỦA ĐOÀN GIÁM SÁT

Điều 39. Tổ giúp việc Đoàn giám sát của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội

1. Trên cơ sở thống nhất với Trưởng Đoàn giám sát, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội quyết định thành lập Tổ giúp việc Đoàn giám sát và phân công phục vụ hoạt động giám sát.

Tổ giúp việc bao gồm:

a) Tổ trưởng là thành viên Đoàn giám sát, phụ trách chung;

b) 01 Tổ phó phụ trách về nội dung;

c) 01 Tổ phó phụ trách về chương trình, kế hoạch, tổ chức phục vụ;

d) Các thành viên là lãnh đạo, chuyên viên các đơn vị liên quan của Văn phòng Quốc hội.

2. Hoạt động của Tổ giúp việc:

a) Tổ trưởng Tổ giúp việc chịu trách nhiệm trước Trưởng Đoàn giám sát về công việc của Tổ;

b) Các thành viên triển khai công việc theo phân công và chịu trách nhiệm trước Tổ trưởng.

Thành viên Tổ giúp việc có trách nhiệm tham dự các cuộc họp, cuộc làm việc của Đoàn giám sát, Đoàn công tác, tham gia ý kiến khi có yêu cầu; thành viên Tổ giúp việc là lãnh đạo đơn vị được sử dụng bộ máy của đơn vị mình để thực hiện nhiệm vụ;

c) Thành viên Tổ giúp việc có thể được bổ sung, điều chỉnh theo yêu cầu của Trưởng Đoàn giám sát;

d) Tổ giúp việc tự giải thể khi Đoàn giám sát hoàn thành nhiệm vụ.

3. Tổ giúp việc có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Nghiên cứu, tập hợp, tổng hợp các tư liệu, tài liệu, báo cáo và thông tin có liên quan phục vụ hoạt động của Đoàn giám sát;

b) Tham mưu, phục vụ xây dựng chương trình, kế hoạch, chuẩn bị các văn bản, tổ chức phục vụ, công tác bảo đảm các hoạt động của Đoàn giám sát; giúp Đoàn giám sát theo dõi, tổng hợp, đánh giá rút kinh nghiệm về hoạt động của Đoàn.

Điều 40. Giúp việc các Đoàn công tác, hội thảo, tọa đàm

1. Tổ giúp việc tổ chức các Nhóm giúp việc phục vụ Đoàn công tác, hội thảo, tọa đàm bao gồm lãnh đạo, chuyên viên các đơn vị có liên quan, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.

2. Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội tại địa phương nơi Đoàn công tác đến làm việc, nơi tổ chức hội thảo, tọa đàm phối hợp với Nhóm giúp việc trong việc phục vụ hoạt động của Đoàn công tác, hội thảo, tọa đàm.

Điều 41. Tổ chức phục vụ Đoàn giám sát của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội

1. Tổng thư ký Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội hoặc người được ủy quyền ký các văn bản của Đoàn giám sát, trừ kế hoạch giám sát chi tiết và báo cáo kết quả giám sát. Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội hoặc Phó Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội được phân công trực tiếp chỉ đạo công tác tổ chức phục vụ các hoạt động của Đoàn giám sát.

2. Tại các cuộc họp, cuộc làm việc, hội nghị, hội thảo, tọa đàm, Tổ giúp việc có trách nhiệm cung cấp bộ tài liệu đầy đủ phục vụ thành viên Đoàn giám sát, Đoàn công tác; các đại biểu khác nhận bản giấy các văn bản trình bày tại cuộc họp, cuộc làm việc, hội nghị, hội thảo, tọa đàm, nhận bản điện tử các tài liệu khác khi có yêu cầu.

3. Các cuộc họp, cuộc làm việc, hội nghị, hội thảo, tọa đàm không trang trí hoa tươi, khẩu hiệu chào mừng. Việc bố trí phòng họp bảo đảm Đoàn giám sát, Đoàn công tác và cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát ngồi đối diện nhau; bố trí biển tên ghi danh cho Trưởng đoàn, Phó Trưởng Đoàn giám sát, Trưởng Đoàn công tác, người chủ trì báo cáo; bố trí biển chung cho thành viên Đoàn giám sát, Đoàn công tác, các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia. Việc tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu do Tổ giúp việc phối hợp với cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát thực hiện, bảo đảm trang trọng, ngắn gọn.

4. Tổ giúp việc có trách nhiệm bảo đảm công tác hậu cần phục vụ các hoạt động của Đoàn giám sát, Đoàn công tác. Trong quá trình làm việc với cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát, Trưởng Đoàn giám sát, Phó Trưởng Đoàn giám sát, Trưởng Đoàn công tác được bố trí xe riêng; thành viên Đoàn giám sát, Đoàn công tác đi xe chung do Tổ giúp việc bố trí.

CHƯƠNG IV

ĐIỀU HÒA HOẠT ĐỘNG CÁC ĐOÀN GIÁM SÁT CHUYÊN ĐỀ VÀ HOẠT ĐỘNG GIẢI TRÌNH TẠI CÁC CƠ QUAN CỦA QUỐC HỘI

Điều 42. Điều hòa hoạt động giám sát khi xây dựng kế hoạch giám sát

1. Chậm nhất là ngày 15 tháng 11 hằng năm, Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội gửi đến Tổng thư ký Quốc hội chương trình giám sát năm sau của Hội đồng, Ủy ban, trong đó dự kiến kế hoạch giám sát cụ thể, xác định

rõ nội dung giám sát, các địa phương đến giám sát trong từng tháng để tổng hợp, phục vụ công tác điều hòa, phối hợp hoạt động giám sát của năm sau.

Đối với hoạt động giám sát của Ủy ban thường vụ Quốc hội về giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của cử tri, hoạt động của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Trưởng các Ban thuộc Ủy ban thường vụ Quốc hội gửi đến Tổng thư ký Quốc hội chương trình, kế hoạch, trong đó xác định rõ nội dung, số lượng các Đoàn công tác quy định tại khoản 2 Điều 8 và khoản 2 Điều 9 của Quy chế này, các địa phương đến làm việc trong từng tháng để tổng hợp.

2. Chậm nhất là ngày 30 tháng 11 hằng năm, Tổng thư ký Quốc hội thông báo bản tổng hợp kế hoạch hoạt động của các Đoàn giám sát của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, các Đoàn công tác quy định tại khoản 2 Điều 8 và khoản 2 Điều 9 của Quy chế này đến các cơ quan hữu quan, các địa phương để phục vụ, theo dõi thực hiện, làm cơ sở để điều hòa các Đoàn công tác phát sinh trong năm sau.

Điều 43. Phương thức điều hòa hoạt động của các Đoàn giám sát chuyên đề, hoạt động giám sát về giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của cử tri và hoạt động của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh

1. Điều hòa về số lượng chuyên đề và địa phương giám sát hằng năm:

a) Khi xây dựng chương trình giám sát của Quốc hội và thành lập các Đoàn giám sát chuyên đề của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội trình Quốc hội quyết định mỗi kỳ họp giám sát 01 chuyên đề; năm chuyển giao giữa hai nhiệm kỳ, Quốc hội tiến hành giám sát 01 chuyên đề tại kỳ họp cuối năm; mỗi Đoàn giám sát chuyên đề của Quốc hội tổ chức không quá 05 Đoàn công tác đến làm việc tại không quá 15 địa phương. Trường hợp cần thiết, Ủy ban thường vụ Quốc hội trình Quốc hội điều chỉnh số lượng chuyên đề giám sát; trong thời gian Quốc hội không họp, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh số lượng chuyên đề giám sát và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất;

b) Ủy ban thường vụ Quốc hội tiến hành giám sát không quá 02 chuyên đề trong 01 năm, bố trí tại phiên họp tháng 8 và tháng 9; năm chuyển giao giữa hai nhiệm kỳ, Ủy ban thường vụ Quốc hội tiến hành giám sát 01 chuyên đề tại phiên họp tháng 9; mỗi Đoàn giám sát chuyên đề của Ủy ban thường vụ Quốc hội tổ chức không quá 05 Đoàn công tác đến làm việc tại không quá 12 địa phương. Trường hợp cần thiết, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh số lượng chuyên đề giám sát;

c) Các Đoàn công tác quy định tại khoản 2 Điều 8 của Quy chế này đến làm việc tại không quá 09 địa phương đối với mỗi nội dung giám sát.

Các Đoàn công tác quy định tại khoản 2 Điều 9 của Quy chế này đến làm việc tại không quá 09 địa phương;

d) Hội đồng dân tộc tổ chức giám sát không quá 03 chuyên đề trong 01 năm; mỗi Ủy ban của Quốc hội tổ chức giám sát không quá 02 chuyên đề

trong 01 năm. Trường hợp cần thiết, Thường trực Hội đồng dân tộc, Thường trực các Ủy ban của Quốc hội báo cáo Ủy ban thường vụ Quốc hội trước khi quyết định điều chỉnh số lượng chuyên đề giám sát. Mỗi Đoàn giám sát chuyên đề tổ chức các Đoàn công tác đến làm việc tại không quá 09 địa phương;

đ) Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội được giao chủ trì giúp Đoàn giám sát của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội về nội dung chuyên môn có thể không tiến hành giám sát chuyên đề riêng của cơ quan mình.

2. Nguyên tắc điều hòa hoạt động giám sát của các cơ quan:

a) Bảo đảm tại 01 địa phương trong 01 tháng có không quá 02 Đoàn công tác đến làm việc và trong một thời điểm chỉ có 01 Đoàn công tác; đối với thành phố Hà Nội, thành phố Đà Nẵng và thành phố Hồ Chí Minh, trong 01 tháng có không quá 03 Đoàn công tác đến làm việc và lịch làm việc không trùng nhau;

b) Không tiến hành làm việc tại địa phương trong thời gian 10 ngày trước ngày khai mạc và sau ngày bế mạc kỳ họp Quốc hội; thực hiện nghiêm sự điều hòa của Ủy ban thường vụ Quốc hội; hạn chế tối đa sự điều chỉnh kế hoạch làm việc; trường hợp phải điều chỉnh kế hoạch thì thông báo trước đến Tổng thư ký Quốc hội để tổng hợp, điều hòa;

c) Việc sắp xếp các Đoàn công tác làm việc tại địa phương được thực hiện theo thứ tự ưu tiên như sau: Đoàn giám sát của Quốc hội; Đoàn giám sát của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Đoàn giám sát của Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Đoàn công tác quy định tại khoản 2 Điều 8 và khoản 2 Điều 9 của Quy chế này. Đối với các Đoàn giám sát của Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Đoàn công tác quy định tại khoản 2 Điều 8 và khoản 2 Điều 9 của Quy chế này được sắp xếp theo thời gian nhận được dự kiến kế hoạch. Trường hợp cần thiết, Ủy ban thường vụ Quốc hội chỉ đạo việc phối hợp thực hiện hoạt động giám sát của các cơ quan ở cùng một địa phương, tại cùng một thời điểm.

Việc điều chỉnh thời gian các Đoàn công tác làm việc tại địa phương được thực hiện theo thứ tự ưu tiên như sau: Đoàn giám sát đã được nêu tại bản tổng hợp kế hoạch hoạt động của các Đoàn giám sát quy định tại khoản 2 Điều 42 của Quy chế này; Đoàn giám sát của Quốc hội; Đoàn giám sát của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Đoàn giám sát của Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Đoàn công tác quy định tại khoản 2 Điều 8 và khoản 2 Điều 9 của Quy chế này. Đối với các Đoàn giám sát của Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Đoàn công tác quy định tại khoản 2 Điều 8 và khoản 2 Điều 9 của Quy chế này được điều chỉnh theo thời gian nhận được dự kiến kế hoạch.

Điều 44. Thực hiện điều hòa hoạt động giám sát của các cơ quan

1. Trước khi điều chỉnh thời gian, địa điểm làm việc tại địa phương so với thời gian, địa điểm trong bản tổng hợp kế hoạch hoạt động của các Đoàn

giám sát quy định tại khoản 2 Điều 42 của Quy chế này, Trưởng Đoàn công tác của Đoàn giám sát của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Trưởng Đoàn giám sát của Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Trưởng các Ban thuộc Ủy ban thường vụ Quốc hội có trách nhiệm thông báo tới Tổng thư ký Quốc hội. Chậm nhất là 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được thông báo, Tổng thư ký Quốc hội thông báo tới Đoàn giám sát, các Ban thuộc Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc điều hòa kế hoạch giám sát.

2. Chậm nhất là ngày 25 hằng tháng, Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, các Ban của Ủy ban thường vụ Quốc hội thông báo bằng văn bản đến Văn phòng Quốc hội kết quả sơ bộ hoạt động của các Đoàn công tác trong tháng và dự kiến kế hoạch của tháng tiếp theo. Trong thông báo nêu rõ nội dung, thời gian, thành phần, địa điểm tiến hành làm việc của các Đoàn công tác.

Đối với địa phương có số Đoàn công tác vượt quy định tại điểm a khoản 2 Điều 43 của Quy chế này, Đoàn đại biểu Quốc hội thông báo đến Văn phòng Quốc hội về số lượng Đoàn công tác, nội dung làm việc, thành phần tham gia, thời gian làm việc cụ thể tại địa phương.

3. Chậm nhất là ngày 05 hằng tháng, Văn phòng Quốc hội giúp Tổng thư ký Quốc hội hoàn thiện báo cáo tổng hợp hoạt động giám sát trong tháng trước của các cơ quan của Quốc hội.

4. Tháng 12 hằng năm, Văn phòng Quốc hội giúp Tổng thư ký Quốc hội xây dựng báo cáo tổng hợp, rút kinh nghiệm về công tác điều hòa hoạt động giám sát để báo cáo Ủy ban thường vụ Quốc hội; gửi báo cáo đến các cơ quan hữu quan.

Điều 45. Điều hòa hoạt động giải trình tại Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội

1. Việc điều hòa hoạt động giải trình thực hiện theo nguyên tắc: đối với một bộ, ngành, cơ quan, trong cùng 01 ngày, tham gia chủ trì giải trình tại không quá một cơ quan của Quốc hội; trong 01 tháng, tham gia chủ trì giải trình không quá hai lần.

2. Tổng thư ký Quốc hội giúp Ủy ban thường vụ Quốc hội điều hòa hoạt động giải trình như sau: chậm nhất là ngày 20 tháng 12 và ngày 20 tháng 6 hằng năm, Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội xây dựng kế hoạch hoạt động giải trình trong 06 tháng tiếp theo và gửi đến Tổng thư ký Quốc hội để tổng hợp, giúp Ủy ban thường vụ Quốc hội thực hiện việc điều hòa. Nếu có sự trùng lặp, Tổng thư ký Quốc hội đề nghị các cơ quan điều chỉnh cho phù hợp trước khi thông báo kế hoạch chính thức đến các cơ quan có liên quan để thực hiện.

3. Tháng 12 hằng năm, Tổng thư ký Quốc hội tổ chức xây dựng báo cáo đánh giá, rút kinh nghiệm về công tác điều hòa hoạt động giải trình để báo cáo Ủy ban thường vụ Quốc hội; gửi báo cáo đến các cơ quan hữu quan.

CHƯƠNG V

XEM XÉT VIỆC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT, KIẾN NGHỊ GIÁM SÁT

Mục 1

XEM XÉT VIỆC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI VỀ CHẤT VẤN, GIÁM SÁT CHUYÊN ĐỀ, NGHỊ QUYẾT CỦA ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI VỀ CHẤT VẤN

Điều 46. Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành kế hoạch thực hiện, đề cương báo cáo của cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát

1. Chậm nhất là ngày 01 tháng 3 của năm giữa nhiệm kỳ và năm cuối nhiệm kỳ, Tổng thư ký Quốc hội chủ trì, phối hợp với Thường trực Hội đồng dân tộc, Thường trực các Ủy ban của Quốc hội giúp Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành kế hoạch, đề cương báo cáo việc thực hiện các nghị quyết của Quốc hội về chất vấn, giám sát chuyên đề, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội về chất vấn (sau đây gọi là nghị quyết về chất vấn, giám sát chuyên đề) gửi đến Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước, Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để thực hiện.

2. Kế hoạch phải nêu rõ mục đích, yêu cầu; cơ quan, tổ chức, cá nhân báo cáo; cơ quan thẩm tra; cơ quan tham gia thẩm tra; thời hạn; tiến độ triển khai; trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan. Kế hoạch được gửi kèm theo bản phân công cơ quan thẩm tra, cơ quan tham gia thẩm tra theo từng mục nội dung của các nghị quyết về chất vấn, giám sát chuyên đề.

3. Đề cương báo cáo phải nêu rõ kết quả đạt được; những vấn đề còn tồn tại, hạn chế so với các yêu cầu, mục tiêu, chỉ tiêu nêu tại các nghị quyết, kèm theo số liệu, biểu mẫu minh họa chi tiết; nguyên nhân; trách nhiệm của người đứng đầu; giải pháp, kiến nghị và cam kết thực hiện trong thời gian tới đối với những nội dung chưa hoàn thành theo các nghị quyết.

Điều 47. Báo cáo việc thực hiện các nghị quyết về chất vấn, giám sát chuyên đề

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát chuẩn bị báo cáo việc thực hiện các nghị quyết về chất vấn, giám sát chuyên đề theo quy định sau đây:

a) Chậm nhất là ngày 15 tháng 7 của năm giữa nhiệm kỳ và năm cuối nhiệm kỳ, cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát gửi báo cáo việc thực hiện các nghị quyết về chất vấn, giám sát chuyên đề đến Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội có liên quan để thẩm tra, tham gia thẩm tra. Báo cáo phải bám sát yêu cầu, đề cương do Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành;

b) Đối với các nội dung thuộc trách nhiệm của Chính phủ, Chính phủ có trách nhiệm chuẩn bị báo cáo tổng hợp. Báo cáo phải nêu rõ: đánh giá chung về tình hình thực hiện các nghị quyết; đánh giá cụ thể về kết quả đạt được trong từng lĩnh vực, trong đó nêu rõ các mục tiêu, chỉ tiêu đã đạt được, chưa đạt được theo yêu cầu của các nghị quyết; nguyên nhân, trách nhiệm của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, người đứng đầu các bộ, ngành có liên quan.

2. Việc thẩm tra và tổng hợp nội dung thẩm tra báo cáo việc thực hiện các nghị quyết về chất vấn, giám sát chuyên đề được thực hiện như sau:

a) Chậm nhất là ngày 15 tháng 8 của năm giữa nhiệm kỳ và năm cuối nhiệm kỳ, Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội có liên quan hoàn thiện báo cáo thẩm tra việc thực hiện các nghị quyết về chất vấn, giám sát chuyên đề thuộc phạm vi trách nhiệm của mình gửi đến Tổng thư ký Quốc hội để tổng hợp. Báo cáo thẩm tra phải bám sát yêu cầu, mục tiêu, chỉ tiêu tại các nghị quyết; nêu rõ những việc đã hoàn thành, những việc chưa hoàn thành, những việc không đạt yêu cầu của người bị chất vấn, cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát, có số liệu, thông tin minh họa cụ thể;

b) Trên cơ sở báo cáo thẩm tra của các cơ quan của Quốc hội, Tổng thư ký Quốc hội xây dựng báo cáo tổng hợp nội dung thẩm tra trình Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét tại phiên họp. Báo cáo tổng hợp phải đánh giá được tình hình chung trong việc thực hiện các nghị quyết; nêu rõ những việc đã hoàn thành, những việc chưa hoàn thành hoặc chuyển biến chậm, những việc không đạt yêu cầu đối với từng lĩnh vực; đưa ra những kiến nghị về xử lý những tồn tại, hạn chế trong việc thực hiện các nghị quyết, xử lý trách nhiệm đối với những người có liên quan.

Điều 48. Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, cho ý kiến về việc thực hiện các nghị quyết về chất vấn, giám sát chuyên đề

1. Hồ sơ trình Ủy ban thường vụ Quốc hội bao gồm:

a) Báo cáo tóm tắt tổng hợp nội dung thẩm tra của Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội về việc thực hiện các nghị quyết về chất vấn, giám sát chuyên đề;

b) Báo cáo tổng hợp nội dung thẩm tra của Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội về việc thực hiện các nghị quyết về chất vấn, giám sát chuyên đề; các báo cáo thẩm tra có liên quan của các cơ quan của Quốc hội;

c) Báo cáo tổng hợp của Chính phủ và các báo cáo của các bộ, ngành có liên quan về việc thực hiện các nghị quyết về chất vấn, giám sát chuyên đề;

d) Báo cáo của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước và của các cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát khác về việc thực hiện các nghị quyết về chất vấn, giám sát chuyên đề.

2. Tại phiên họp tháng 9 của năm giữa nhiệm kỳ và năm cuối nhiệm kỳ, Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, cho ý kiến về việc thực hiện các nghị

quyết về chất vấn, giám sát chuyên đề theo trình tự sau đây:

a) Đại diện Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước, các cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát khác trình bày báo cáo tóm tắt việc thực hiện các nghị quyết về chất vấn, giám sát chuyên đề;

b) Tổng thư ký Quốc hội trình bày báo cáo tóm tắt tổng hợp nội dung thẩm tra của Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội;

c) Ủy ban thường vụ Quốc hội thảo luận;

d) Chủ tọa kết luận về những nội dung hoàn thiện các báo cáo trước khi trình ra kỳ họp Quốc hội.

3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan tiếp thu ý kiến của Ủy ban thường vụ Quốc hội để hoàn thiện báo cáo gửi tới đại biểu Quốc hội theo quy định.

Điều 49. Phục vụ Quốc hội xem xét việc thực hiện các nghị quyết về chất vấn, giám sát chuyên đề

1. Khi xây dựng chương trình kỳ họp, Ủy ban thường vụ Quốc hội trình Quốc hội quyết định xem xét việc thực hiện các nghị quyết về chất vấn, giám sát chuyên đề bằng hình thức chất vấn.

2. Hồ sơ trình Quốc hội bao gồm các tài liệu quy định tại khoản 1 Điều 48 của Quy chế này đã tiếp thu ý kiến tại phiên họp của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

3. Việc chất vấn được thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 13 của Quy chế này.

4. Ủy ban thường vụ Quốc hội trình Quốc hội ra nghị quyết về việc thực hiện các nghị quyết về chất vấn, giám sát chuyên đề theo trình tự quy định tại Điều 14 của Quy chế này.

5. Nghị quyết có nội dung cơ bản theo quy định tại khoản 5 Điều 15 của Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân, trong đó nêu rõ kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện các nghị quyết về chất vấn, giám sát chuyên đề; những việc đã hoàn thành, những việc chưa hoàn thành hoặc chuyển biến chậm, những việc không đạt yêu cầu đối với từng lĩnh vực; những nội dung cụ thể cần tiếp tục thực hiện để hoàn thành; chế tài nếu tiếp tục không hoàn thành những nội dung nêu trên.

6. Nghị quyết về việc thực hiện các nghị quyết về chất vấn, giám sát chuyên đề được gửi đến đại biểu Quốc hội khi tổ chức bỏ phiếu tín nhiệm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 19 của Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

Mục 2
XEM XÉT KIẾN NGHỊ GIÁM SÁT

Điều 50. Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét kiến nghị giám sát của Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội và đại biểu Quốc hội

1. Chậm nhất là ngày 30 tháng 3 và ngày 30 tháng 8 hằng năm, Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội và đại biểu Quốc hội tổng hợp các kết luận, kiến nghị giám sát của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội và đại biểu Quốc hội không được cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát thực hiện (nếu có), gửi đến Tổng thư ký Quốc hội để tổng hợp, báo cáo Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Đối với những kết luận, kiến nghị giám sát cần trình Ủy ban thường vụ Quốc hội sớm hơn, Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội và đại biểu Quốc hội kiến nghị Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét tại phiên họp gần nhất.

2. Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét kiến nghị giám sát theo trình tự quy định tại khoản 2 Điều 33 của Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

Kết thúc phiên họp, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định việc ra nghị quyết về vấn đề được kiến nghị hoặc báo cáo Quốc hội xem xét, quyết định.

3. Trên cơ sở đề nghị của Tổng thư ký Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội ra nghị quyết về vấn đề được kiến nghị. Nghị quyết bao gồm những nội dung sau đây:

a) Đánh giá về việc kết luận, kiến nghị của các chủ thể giám sát, tình hình thực hiện kết luận, kiến nghị giám sát của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan;

b) Đánh giá về nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện kết luận, kiến nghị giám sát;

c) Những yêu cầu cụ thể đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, trong đó nêu rõ yêu cầu thực hiện, thời hạn hoàn thành, trách nhiệm báo cáo đối với những vấn đề cụ thể; chế tài nếu tiếp tục không hoàn thành đối với những vấn đề đã kiến nghị;

d) Trách nhiệm thực hiện nghị quyết đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

4. Trong trường hợp cần thiết, Ủy ban thường vụ Quốc hội đề nghị Quốc hội bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn.

5. Tổng thư ký Quốc hội giúp Ủy ban thường vụ Quốc hội chuẩn bị báo cáo tổng hợp kiến nghị giám sát trình Quốc hội xem xét tại kỳ họp.

Điều 51. Phục vụ Quốc hội xem xét báo cáo của Ủy ban thường vụ Quốc hội về kiến nghị giám sát

1. Quốc hội xem xét báo cáo của Ủy ban thường vụ Quốc hội về kiến nghị giám sát của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội và đại biểu Quốc hội theo trình tự quy định tại khoản 2 Điều 20 của Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

2. Ủy ban thường vụ Quốc hội giúp Quốc hội chuẩn bị dự thảo nghị quyết về vấn đề được kiến nghị theo trình tự sau đây:

a) Chậm nhất là 02 ngày kể từ ngày Quốc hội xem xét báo cáo, Tổng thư ký Quốc hội giúp Ủy ban thường vụ Quốc hội chuẩn bị dự thảo nghị quyết. Nội dung nghị quyết theo quy định tại khoản 3 Điều 50 của Quy chế này;

b) Tổng Thư ký Quốc hội gửi dự thảo nghị quyết xin ý kiến các chủ thể có kiến nghị giám sát, các cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát, tiếp thu, hoàn thiện trình Ủy ban thường vụ Quốc hội trước khi gửi xin ý kiến đại biểu Quốc hội;

c) Tổng thư ký Quốc hội giúp Ủy ban thường vụ Quốc hội chuẩn bị báo cáo tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội và hoàn thiện dự thảo nghị quyết, trình Quốc hội biểu quyết thông qua.

CHƯƠNG VI

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI VÀ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

Điều 52. Chương trình giám sát của Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội

1. Chậm nhất là ngày 01 tháng 12 hằng năm, đại biểu Quốc hội dự kiến chương trình giám sát của mình, gửi đến Đoàn đại biểu Quốc hội để tổng hợp. Dự kiến chương trình phải nêu rõ sự cần thiết, nội dung, phạm vi, đối tượng giám sát.

2. Chậm nhất là ngày 15 tháng 12 hằng năm, Đoàn đại biểu Quốc hội hoàn thành việc xây dựng chương trình giám sát của Đoàn cho năm sau theo quy định tại Điều 49 của Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân. Chương trình giám sát của Đoàn đại biểu Quốc hội cần gắn với hoạt động tiếp xúc cử tri, tạo thuận lợi cho đại biểu Quốc hội ở trung ương ứng cử tại địa phương tham gia các hoạt động giám sát của Đoàn.

Điều 53. Thực hiện chương trình giám sát của Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội

1. Căn cứ vào chương trình giám sát của Đoàn đại biểu Quốc hội, theo

yêu cầu của các Đoàn giám sát của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội giúp Đoàn đại biểu Quốc hội ban hành nghị quyết thành lập các Đoàn giám sát để tiến hành giám sát chuyên đề; giúp đại biểu Quốc hội tiến hành giám sát tại địa phương. Thành phần, nhiệm vụ, quyền hạn của Đoàn giám sát theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 52 của Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

2. Cuộc làm việc của Đoàn giám sát được tiến hành theo trình tự quy định tại khoản 2 Điều 29 của Quy chế này.

3. Đối với chuyên đề thuộc chương trình giám sát của Đoàn đại biểu Quốc hội, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội giúp Đoàn đại biểu Quốc hội tổng hợp kiến nghị giám sát để gửi đến cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và theo dõi, đôn đốc việc thực hiện.

4. Đối với chuyên đề thuộc chương trình giám sát của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội tại các tỉnh, thành phố không nằm trong kế hoạch giám sát của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội tổ chức giám sát và gửi báo cáo kết quả giám sát theo đề cương, kế hoạch và yêu cầu cụ thể của Đoàn giám sát của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội; Đoàn đại biểu Quốc hội tại các tỉnh, thành phố nằm trong kế hoạch giám sát của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội tham gia hoạt động giám sát theo yêu cầu cụ thể của các Đoàn giám sát.

5. Đại biểu Quốc hội thực hiện hoạt động giám sát quy định tại các điều 47, 50, 51, 53 và 54 của Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

6. Chậm nhất là ngày 15 tháng 01 hằng năm, đại biểu Quốc hội gửi báo cáo kết quả thực hiện chương trình giám sát năm trước đến Đoàn đại biểu Quốc hội để tổng hợp. Chậm nhất là ngày 01 tháng 02 hằng năm, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội giúp Đoàn đại biểu Quốc hội gửi báo cáo bằng văn bản về việc thực hiện chương trình giám sát năm trước của Đoàn đại biểu Quốc hội và của đại biểu Quốc hội trong Đoàn đến Ủy ban thường vụ Quốc hội qua Tổng thư ký Quốc hội kèm theo phụ lục tổng hợp các kiến nghị giám sát.

Chậm nhất là ngày 31 tháng 3 hằng năm, Tổng thư ký Quốc hội xây dựng báo cáo tổng hợp kết quả hoạt động giám sát trong năm trước của Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội, gửi đến Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Điều 54. Báo cáo kết quả giám sát của Đoàn giám sát của Đoàn đại biểu Quốc hội

1. Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội nghiên cứu, tổng hợp, giúp Trưởng Đoàn giám sát xây dựng dự thảo báo cáo kết quả giám sát của Đoàn giám sát.

2. Trưởng Đoàn giám sát quyết định việc tổ chức họp hoặc xin ý kiến

bằng văn bản các thành viên Đoàn giám sát, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan về dự thảo báo cáo.

3. Trưởng Đoàn giám sát chỉ đạo Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo báo cáo kết quả giám sát của Đoàn giám sát.

4. Đoàn đại biểu Quốc hội xem xét báo cáo kết quả giám sát của Đoàn giám sát theo quy định tại khoản 4 Điều 52 của Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

Điều 55. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát

Cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát phải thực hiện nghiêm túc các kiến nghị của Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 56 của Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân; trường hợp không thực hiện hoặc thực hiện không nghiêm túc các kiến nghị, Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội có văn bản gửi đến Hội đồng nhân dân cấp tỉnh để làm cơ sở cho việc xem xét, đánh giá trong quá trình lấy phiếu tín nhiệm đối với các chức danh liên quan hoặc báo cáo Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định.

Điều 56. Tổng hợp, theo dõi việc trả lời kiến nghị cử tri

1. Chậm nhất là 20 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội gửi báo cáo bằng bản giấy và bản điện tử đến Ủy ban thường vụ Quốc hội qua Ban dân nguyện về tổng hợp kiến nghị của cử tri thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, tổ chức, đơn vị ở trung ương.

2. Đoàn đại biểu Quốc hội chỉ đạo Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội theo dõi, tổng hợp nội dung trả lời của các cơ quan đối với những vấn đề được cử tri kiến nghị, tránh trùng lặp việc yêu cầu tổ chức, đơn vị trả lời nội dung đã kiến nghị hoặc kiến nghị lại các nội dung đã được giải quyết.

CHƯƠNG VII
CÔNG TÁC BẢO ĐẢM

Điều 57. Mẫu văn bản phục vụ hoạt động giám sát

Tổng thư ký Quốc hội ban hành các mẫu văn bản sau đây: phiếu chất vấn; phiếu xin ý kiến đánh giá kết quả hoạt động chất vấn tại kỳ họp Quốc hội; nghị quyết thành lập Đoàn giám sát, kế hoạch giám sát ban hành kèm theo nghị quyết; nghị quyết về giám sát chuyên đề; nghị quyết về chất vấn tại kỳ họp Quốc hội; kế hoạch, đề cương báo cáo việc thực hiện các nghị quyết về chất vấn, giám sát chuyên đề và các mẫu văn bản liên quan khác phục vụ hoạt động giám sát của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội.

Điều 58. Công tác truyền thông phục vụ hoạt động giám sát

1. Vụ Thông tin của Văn phòng Quốc hội giúp Tổng thư ký Quốc hội thực hiện việc đăng tải thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động giám sát của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội trên các phương tiện thông tin đại chúng và Cổng thông tin điện tử Quốc hội; định hướng đưa tin về nội dung giám sát, yêu cầu cơ quan báo chí cải chính về việc đăng tải thông tin sai sự thật về hoạt động giám sát của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội theo quy định của pháp luật về báo chí; tổ chức xây dựng báo cáo tổng hợp dư luận xã hội về hoạt động giám sát của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội.

2. Vụ Phục vụ hoạt động giám sát của Văn phòng Quốc hội giúp Tổng thư ký Quốc hội bảo đảm nội dung của trang giám sát trên Cổng thông tin điện tử Quốc hội; dự kiến kế hoạch xây dựng các chuyên mục và thực hiện việc biên tập nội dung các chuyên mục giám sát trên Cổng thông tin điện tử Quốc hội và các phương tiện truyền thông; giúp Tổng thư ký Quốc hội chuẩn bị nội dung trả lời phỏng vấn về lĩnh vực giám sát.

3. Văn phòng Quốc hội bảo đảm công tác thông tin, tuyên truyền phục vụ hoạt động của các Đoàn giám sát của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội.

4. Các cơ quan thông tấn báo chí tham dự, đưa tin về các phiên chất vấn tại kỳ họp Quốc hội và phiên họp của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Việc phát thanh, truyền hình trực tiếp phiên chất vấn được thực hiện trên Đài truyền hình Việt Nam, Đài tiếng nói Việt Nam, Kênh truyền hình Quốc hội. Phiên họp của Ủy ban thường vụ Quốc hội có nội dung chất vấn được truyền hình trực tuyến đến các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương để các đại biểu Quốc hội tham gia.

Công tác truyền thông đối với các hoạt động giám sát khác do Tổng thư ký Quốc hội quyết định.

5. Cơ quan thông tấn báo chí được tạo điều kiện thuận lợi để tham dự, đưa tin về các hoạt động giám sát của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội, bảo đảm việc đưa tin chính xác, khách quan theo quy định của pháp luật về báo chí.

Điều 59. Trách nhiệm của các cơ quan hữu quan trong việc cung cấp thông tin phục vụ hoạt động giám sát

1. Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước và cơ quan, tổ chức hữu quan có trách nhiệm cung cấp thông tin, bố trí cán bộ tham gia phục vụ hoạt động giám sát theo yêu cầu.

2. Các viện nghiên cứu, cơ quan thống kê tự mình hoặc theo yêu cầu giám sát của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội hoặc theo hợp đồng tiến hành nghiên cứu, cung cấp thông tin liên quan phục vụ hoạt động giám sát.

3. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phối hợp chặt chẽ với Đoàn đại biểu Quốc hội, Ban dân nguyện thuộc Ủy ban thường vụ Quốc hội trong việc tập hợp, tổng hợp kiến nghị của cử tri cả nước, bảo đảm cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời khi xây dựng chương trình giám sát, tổ chức hoạt động chất vấn của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Hà Nội, ngày 11 tháng 01 năm 2017

TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Kim Ngân